

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VÂN CANH
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2025/HS-ST
Ngày: 14-01-2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VÂN CANH, TỈNH BÌNH ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Phương

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Minh Nhật

Bà Trần Thị Hoa

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hoa Sen là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vân Canh.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vân Canh, tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vân Canh, tỉnh Bình Định, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 31/2024/TLST-HS ngày 01 tháng 11 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2024/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 12 năm 2024 đối với bị cáo:

Đoàn Văn B, tên gọi khác: Không, sinh ngày 10 tháng 10 năm 1983 tại huyện V, tỉnh Bình Định; nơi cư trú: Làng C, xã C, huyện V, tỉnh Bình Định; số thẻ CCCD: 052083010621 cấp ngày 27/12/2021, nơi cấp Cục CSQLHC về TTXH; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Chăm; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đoàn Văn Đ, sinh năm 1962 và bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1964; vợ: Đinh Thị C, sinh năm 1981; con: Có 03 người, lớn nhất sinh năm 2001, nhỏ nhất sinh năm 2006; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 15/7/2024 tại xã C, huyện V, tỉnh Bình Định cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- *Người bào chữa cho bị cáo Đoàn Văn B:* Bà Lê Tôn Nữ Kim Y - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh B, “có mặt”.

- *Nguyên đơn dân sự:* Ban quản lý rừng phòng hộ huyện V. Người đại diện theo uỷ quyền: Anh Nguyễn Thanh Q, sinh năm 1983 - Phó giám đốc Ban quản lý rừng phòng hộ huyện V, “có mặt”.

Địa chỉ: Thôn T, xã C, huyện V, tỉnh Bình Định.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Chị Đinh Thị C, sinh năm 1981, “có mặt”;
- Anh Đoàn Kim T, sinh năm 2002, “có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt”;

3. Chị Đoàn Thị Trung T1, sinh năm 2004, “có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt”;
 4. Chị Đoàn Thị T2, sinh năm 2006 “có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt”.
Đồng nơi cư trú: Làng C, xã C, huyện V, tỉnh Bình Định.
 5. Anh Nguyễn Văn C1, sinh năm 1979; nơi cư trú: Khu phố T, thị trấn V, huyện V, tỉnh Bình Định, “có mặt”;
 6. Anh Đinh Văn C2, sinh năm 1987; nơi cư trú: Làng H, xã C, huyện V, tỉnh Bình Định, “có mặt”;
 7. Anh Đoàn Minh P, sinh năm 1992; nơi cư trú: Làng C, xã C, huyện V, tỉnh Bình Định, “có mặt”;
 8. Anh Lê Đức T3, sinh năm 1990; nơi cư trú: Khu phố Đ, xã H, thị xã H, tỉnh Bình Định, “có mặt”;
 9. Anh Nguyễn Phi S, sinh năm 2003; nơi cư trú: Thôn L, xã X, huyện Đ, tỉnh Phú Yên, “có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt”;
 10. Anh Nguyễn Ngọc B1, sinh năm 1996; nơi cư trú: Tổ G, Khu V, phường N, thành phố Q, tỉnh Bình Định, “có mặt”.
 11. Anh Thân Thiên N, sinh năm 1996; nơi cư trú: Thôn T, xã B, huyện T, tỉnh Bình Định, “có mặt”.
 12. Anh Ngô Đình L, sinh năm 1991; nơi cư trú: Thôn T, phường N, thị xã A, tỉnh Bình Định, “có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt”;
 13. Anh Đậu Bá V1, sinh năm 1983; nơi cư trú: Khu phố Đ, thị trấn V, huyện V, tỉnh Bình Định, “có mặt”;
 14. Anh Đinh Văn H, sinh năm 1995, “có mặt”.
 15. Anh Đoàn Quốc T4, sinh năm 2001, “có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt”;
 16. Chị Đình Thị X, sinh năm 1973, “vắng mặt”.
 17. Chị Đình Thị K, sinh năm 2004, “vắng mặt”.
Đồng nơi cư trú: Làng C, xã C, huyện V, tỉnh Bình Định.
- *Vật chứng cần đưa ra xem xét tại phiên tòa:* Không.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong tháng 01/2024, Đoàn Văn B đã chỉ đạo vợ là Đình Thị C cùng các con ruột là Đoàn Thị Trung T1, Đoàn Thị T2 và con rể là Đoàn Kim T cùng đi vào khu rừng phòng hộ đầu nguồn tại khoảnh 5 Tiểu khu C (giáp với đất sản xuất của B) thuộc làng C, xã C, huyện V, tỉnh Bình Định dùng rựa phát rong, phát luồng những cây có đường kính nhỏ và các dây leo tại 02 thửa liền kề nhau với diện tích bị chặt phá lần lượt là 3.368 m² và 3.137 m² trong thời gian 02 ngày. Sau đó, B một mình dùng máy cưa xăng cầm tay cưa hạ những cây có đường kính lớn tại các thửa này trong thời gian nửa ngày. Ngày 20/02/2024, nhân viên Trạm quản lý, bảo

vệ rừng phòng hộ làng C - Hồ Núi M thuộc Ban Q, gồm: tổ Đình Văn C2, Lê Đức T3, Nguyễn Ngọc B1 và tổ Nguyễn Văn C1, Đoàn Văn P1, Ngô Đình L tiến hành tuần tra, kiểm tra, bảo vệ rừng tại khoảnh 5 Tiểu khu C thì phát hiện rừng phòng hộ tại 02 thửa trên đã bị chặt phá toàn bộ nên đã lập biên bản, sau đó T5 đã báo cáo vụ việc đến Ban quản lý rừng phòng hộ huyện V để xử lý.

Theo Kết luận giám định tư pháp theo vụ việc trong lĩnh vực lâm nghiệp số 93/KL-TCGD ngày 23/4/2024 của Trung tâm Quy hoạch nông nghiệp nông thôn Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh B, kết luận: Địa điểm, vị trí rừng bị thiệt hại: Lô rừng bị thiệt hại thuộc khoảnh 5 tiểu khu C, xã C, huyện V, tỉnh Bình Định. Vị trí đai cao: Lô rừng thiệt hại thuộc đai cao dưới 300 m. Loại rừng bị thiệt hại: Phân theo mục đích sử dụng: Rừng phòng hộ đầu nguồn. Phân theo nguồn gốc: Rừng gỗ tự nhiên. Theo trữ lượng: Rừng nghèo (TXN); trữ lượng bình quân 55,89 m³/ha. Loài cây bị thiệt hại: Loài cây gỗ thông thường. Diện tích, trữ lượng rừng bị thiệt hại: Diện tích: 3.368 m² (0,34 ha); Trữ lượng bị thiệt hại 18,83 m³. Giá trị bồi thường thiệt hại: 62.272.973 đồng.

Theo Kết luận giám định tư pháp theo vụ việc trong lĩnh vực lâm nghiệp số 94/KL-TCGD ngày 23/4/2024 của Trung tâm Quy hoạch nông nghiệp nông thôn Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh B, kết luận: Địa điểm, vị trí rừng bị thiệt hại: Lô rừng bị thiệt hại thuộc khoảnh 5 tiểu khu C, xã C, huyện V, tỉnh Bình Định. Vị trí đai cao: Lô rừng thiệt hại thuộc đai cao dưới 300 m. Loại rừng bị thiệt hại: Phân theo mục đích sử dụng: Rừng phòng hộ đầu nguồn. Phân theo nguồn gốc: Rừng gỗ tự nhiên. Theo trữ lượng: Rừng nghèo (TXN); trữ lượng bình quân 55,89 m³/ha. Loài cây bị thiệt hại: Loài cây gỗ thông thường. Diện tích, trữ lượng rừng bị thiệt hại: Diện tích: 3.137 m² (0,31 ha); Trữ lượng bị thiệt hại 17,53 m³. Giá trị bồi thường thiệt hại: 58.001.875 đồng.

Theo Kết luận định giá tài sản số: 21/KL-HĐDGTS ngày 07/10/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng huyện V, kết luận: rừng phòng hộ đầu nguồn diện tích 0,34 ha có trị giá là 62.273.000 đồng

Theo Kết luận định giá tài sản số: 22/KL-HĐDGTS ngày 07/10/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng huyện V, kết luận: rừng phòng hộ đầu nguồn diện tích 0,31 ha có trị giá là 58.002.000 đồng.

Tổng diện tích rừng phòng hộ đầu nguồn bị chặt phá là 6.505 m² (0,65 ha), tổng trữ lượng rừng bị thiệt hại là 36,36 m³; tổng trị giá thiệt hại là 120.275.000đ (Một trăm hai mươi triệu, hai trăm bảy mươi lăm nghìn đồng).

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V đã thu tạm giữ 01 cây rựa dài 62 cm, cán bằng gỗ dài 36 cm, lưỡi bằng kim loại đã rỉ sét dài 26 cm; 01 cây rựa dài 64 cm, cán bằng gỗ dài 34,9 cm, lưỡi bằng kim loại đã rỉ sét dài 29,5 cm; 01 cây rựa dài 69 cm, cán bằng gỗ dài 40 cm, lưỡi bằng kim loại đã rỉ sét dài 29 cm; 01 máy cưa xích Yataka CS-5991 màu cam, đã cũ dài 42 cm; 01 lưỡi lam kim loại đã qua sử dụng có kích thước: có chiều dài 46 cm, vị trí rộng nhất 07 cm, vị trí nhỏ nhất 03 cm (có đường rãnh giữa tạo thành hình chữ U, có 02 lỗ trục cố định đối xứng) và 01 dây xích cưa kim loại đã qua sử dụng có chiều dài 50 cm do Đoàn Văn B giao nộp.

Đại diện Ban quản lý rừng phòng hộ huyện V là ông Nguyễn Thanh Q yêu cầu bị cáo B phải bồi thường thiệt hại cho Nhà nước với số tiền 120.275.000đ (Một trăm hai mươi triệu hai trăm bảy mươi lăm nghìn đồng).

Bị cáo đã nộp số tiền 5.000.000đ (Năm triệu đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vân Canh để bồi thường một phần thiệt hại, khắc phục hậu quả.

Bản Cáo trạng số: 30/CT-VKS ngày 31/10/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Vân Canh, tỉnh Bình Định truy tố bị cáo Đoàn Văn B về tội: “Huỷ hoại rừng” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 243 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vân Canh giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Đoàn Văn B về tội: “Huỷ hoại rừng” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 243 Bộ luật Hình sự và đề nghị:

Về hình phạt chính: Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 243; các điểm b, r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Đoàn Văn B mức án từ 18 (mười tám) đến 24 (hai mươi bốn) tháng cải tạo không giam giữ.

Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn không có thu nhập ổn định nên đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về bồi thường thiệt hại: Căn cứ vào khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự; các Điều 584, 585 và 589 Bộ luật Dân sự. Buộc bị cáo phải bồi thường thiệt hại cho Ban quản lý rừng phòng hộ huyện V số tiền 120.275.000 đồng được trừ vào số tiền bị cáo đã nộp khắc phục hậu quả tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Vân Canh số tiền là 5.000.000 đồng. Bị cáo còn phải bồi thường số tiền còn lại là 115.275.000đ (Một trăm mười lăm triệu hai trăm bảy mươi lăm nghìn đồng).

Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự. Đề nghị tịch thu, tiêu hủy vật chứng vụ án gồm: 01 cây rựa dài 62 cm, cán bằng gỗ dài 36 cm, lưỡi bằng kim loại đã rỉ sét dài 26 cm; 01 cây rựa dài 64 cm, cán bằng gỗ dài 34,9 cm, lưỡi bằng kim loại đã rỉ sét dài 29,5 cm; 01 cây rựa dài 69 cm, cán bằng gỗ dài 40 cm, lưỡi bằng kim loại đã rỉ sét dài 29 cm; 01 máy cưa xích Yataka CS-5991 màu cam, đã cũ dài 42 cm; 01 lưỡi lam kim loại đã qua sử dụng có kích thước: có chiều dài 46 cm, vị trí rộng nhất 07 cm, vị trí nhỏ nhất 03 cm (có đường rãnh giữa tạo thành hình chữ U, có 02 lỗ trục cố định đối xứng) và 01 dây xích cưa kim loại đã qua sử dụng có chiều dài 50 cm.

Trợ giúp viên pháp lý, bà Lê Tôn Nữ Kim Y bào chữa cho bị cáo trình bày bản luận cứ: Đồng ý với ý kiến luận tội của đại diện Viện kiểm sát về tội danh, Điều luật áp dụng đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 243; các điểm b, r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Đoàn Văn B mức án 12 tháng cải tạo không giam giữ. Về dân sự: Đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật. Về án phí: Đề nghị miễn toàn bộ tiền án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm cho bị cáo.

Ý kiến của đại diện nguyên đơn dân sự: Đồng ý với ý kiến luận tội của đại diện Viện kiểm sát, đề nghị Tòa giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; về bồi thường dân sự, yêu cầu bị cáo phải bồi thường thiệt hại cho Ban quản lý rừng phòng hộ huyện V số tiền là 120.275.000đ (Một trăm hai mươi triệu hai trăm bảy mươi lăm nghìn đồng).

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án đều thống nhất nội dung Cáo trạng và luận tội của Viện kiểm sát nhân dân huyện Vân Canh và không ai có ý kiến tranh luận.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo đồng ý với Cáo trạng, luận tội của Viện kiểm sát nhân dân huyện Vân Canh không có ý kiến gì và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra bị cáo, đại diện bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Điều tra viên, Kiểm sát viên. Do đó, hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về sự vắng mặt của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Đoàn Kim T, chị Đoàn Thị Trung T1, chị Đoàn Thị T2, anh Nguyễn Phi S, anh Ngô Đình L, Anh Đoàn Quốc T4 đều có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt”. Riêng chị Đinh Thị X và chị Đinh Thị K đã được Tòa tổng đạt hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Tại phiên tòa, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Vân Canh, bị cáo, bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều thống nhất xét xử vắng mặt của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trên. Xét thấy, lời khai của họ đã có trong hồ sơ vụ án, sự vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Nên căn cứ Điều 292 Bộ luật tố tụng Hình sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trên.

[3] Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị cáo trước đây tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; đại diện theo ủy quyền của bị hại và các tài liệu, vật chứng, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Để mở rộng thêm đất sản xuất nên khoảng giữa tháng 01/2024, Đoàn Văn B đã chỉ đạo vợ là Đinh Thị C, các con ruột là Đoàn Thị Trung T1, Đoàn Thị T2, con rể Đoàn Kim T dùng rựa phát luống các dây leo, cây đường kính nhỏ và một mình Đoàn Văn B dùng máy cưa đã cưa hạ những cây có đường kính lớn của rừng phòng hộ đầu nguồn tại khoảnh 5 Tiểu khu C thuộc làng C, xã C, huyện V, tỉnh Bình Định với tổng diện tích rừng bị hủy hoại là 6.505 m² (0,65 ha), gây thiệt hại về rừng với số tiền là 120.275.000 đồng. Hành vi và hậu quả nêu trên của bị cáo đã phạm vào tội “Hủy hoại rừng”. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân huyện Vân Canh truy tố bị cáo về tội “Hủy hoại rừng” quy định tại điểm c khoản 1 Điều 243 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4]. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bị cáo biết rõ diện tích 6.505 m² (0,65 ha) đất rừng mà bị cáo xâm hại là rừng phòng hộ đầu nguồn do Ban quản lý rừng phòng hộ huyện V quản lý bảo vệ, nhưng vì tham lam muốn chiếm đất mở rộng diện tích đất để trồng cây keo nên bị cáo đã cố ý trực tiếp xâm phạm đến môi

trường rừng, chế độ quản lý và bảo vệ rừng phòng hộ của Nhà nước. Hành vi của bị cáo không những gây thiệt hại cho nhà nước mà còn gây mất an ninh, trật tự tại địa phương. Do đó, cần phải xử lý nghiêm bằng pháp luật hình sự để răn đe giáo dục đối với bị cáo và phòng ngừa chung.

[5]. Xét về nhân thân, tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo có nhân thân tốt thể hiện việc bị cáo không có tiền án, tiền sự, nhất thời phạm tội. Trong giai đoạn điều tra, bị cáo đã ra tự thú; tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và đã tự nguyện nộp tiền khắc phục một phần hậu quả; ngoài ra, bị cáo là người dân tộc thiểu số, sống ở vùng có điều kiện kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn nên hiểu biết pháp luật còn hạn chế. Đây là những tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, r, s khoản 1, Điều 51 Bộ luật Hình sự. Ngoài lần phạm tội này, bị cáo chấp hành đúng chính sách, pháp luật và có nơi cư trú rõ ràng. Nhận thấy bị cáo có khả năng cải tạo và việc cho bị cáo hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội phù hợp với Nghị quyết số: 02/NQ-HĐTP TANDTC ngày 15/5/2018 và Nghị quyết số: 01/ 2022 sửa đổi Nghị quyết số 02/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự. Nên xét thấy không cần thiết cách ly bị cáo ra ngoài xã hội mà chỉ cần giao bị cáo cho UBND cấp xã nơi bị cáo cư trú và phối hợp với gia đình để giám sát, giáo dục bị cáo cũng đủ có tác dụng răn đe, giáo dục và phòng ngừa tội phạm.

[6]. Về hình phạt bổ sung: Tại khoản 4 Điều 243 Bộ luật Hình sự quy định “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng...”, bị cáo còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền. Tuy nhiên theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa cho thấy bị cáo có hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn, không có thu nhập ổn định. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[7]. Về bồi thường thiệt hại: Tại phiên Tòa đại diện của nguyên đơn dân sự yêu cầu bị cáo phải bồi thường giá trị thiệt hại về rừng theo Kết luận định giá tài sản số: 21/KL-HĐĐGTS ngày 07/10/2024 và 22/KL-HĐĐGTS ngày 07/10/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng huyện V, kết luận: Tổng trị giá rừng bị thiệt hại số tiền là 120.275.000đ (Một trăm hai mươi triệu, hai trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) là phù hợp. Nên căn cứ khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 584, 585 và 589 Bộ luật Dân sự buộc bị cáo bị cáo phải bồi thường cho bị hại số tổng tiền là 120.275.000 đồng, được trừ vào số tiền bị cáo đã tự nguyện nộp khắc phục hậu quả tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Văn Canh số tiền là 5.000.000 đồng. Bị cáo còn phải bồi thường số tiền còn lại là 115.275.000đ (Một trăm mười lăm triệu hai trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) cho nguyên đơn dân sự là Ban quản lý rừng phòng hộ huyện V. Người đại diện theo uỷ quyền, anh Nguyễn Thanh Q - Phó giám đốc Ban quản lý rừng phòng hộ huyện V.

[8]. Về xử lý vật chứng: Đối với những vật chứng gồm: 01 cây rựa dài 62 cm, cán bằng gỗ dài 36 cm, lưỡi bằng kim loại đã rỉ sét dài 26 cm; 01 cây rựa dài 64 cm, cán bằng gỗ dài 34,9 cm, lưỡi bằng kim loại đã rỉ sét dài 29,5 cm; 01 cây rựa dài 69 cm, cán bằng gỗ dài 40 cm, lưỡi bằng kim loại đã rỉ sét dài 29 cm; 01 máy cưa xích Yataka CS-5991 màu cam, đã cũ dài 42 cm; 01 lưỡi lam kim loại đã qua

sử dụng có kích thước: có chiều dài 46 cm, vị trí rộng nhất 07 cm, vị trí nhỏ nhất 03 cm (có đường rãnh giữa tạo thành hình chữ U, có 02 lỗ trục cố định đối xứng) và 01 dây xích cưa kim loại đã qua sử dụng có chiều dài 50 cm là những công cụ mà bị cáo dùng để thực hiện hành vi huỷ hoại rừng nhưng không còn giá trị sử dụng. Do đó, theo quy định tại Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự cần tịch thu, tiêu hủy.

[9]. Về án phí: Bị cáo là người đồng bào dân tộc thiểu số ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, có xác nhận của chính quyền địa phương và có đơn xin miễn nộp tiền án phí, nên căn cứ các Điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm d khoản 1 Điều 12, Điều 14 Nghị Quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về việc quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo được miễn toàn bộ tiền án phí hình sự sơ thẩm và tiền án phí dân sự sơ thẩm.

[10]. Về các vấn đề khác:

[10.1]. Đối với Đinh Thị C, Đoàn Thị Trung T1, Đoàn Thị T2 và Đoàn Kim T đã cùng với bị cáo có hành vi dùng rựa phát luồng dây leo, cây có đường kính nhỏ là do được sự chỉ đạo của bị cáo. Đinh Thị C, Đoàn Thị T2, Đoàn Thị Trung T1 và Đoàn Kim T đều không biết vị trí đã phát luồng trên là khu vực rừng phòng hộ đầu nguồn nên Đinh Thị C, Đoàn Thị T2, Đoàn Thị Trung T1 và Đoàn Kim T không phạm tội.

[10.2]. Đối với Phan Văn C3 - Phó chủ tịch UBND huyện V được phân công nhiệm vụ chỉ đạo, điều hành hoạt động của Ban quản lý rừng phòng hộ huyện V, Nguyễn Thanh Q - Phó giám đốc Ban Q được phân công trực tiếp phụ trách các lĩnh vực quản lý bảo vệ rừng phòng cháy, chữa cháy, chỉ đạo hoạt động của các Trạm, Chốt quản lý bảo vệ rừng trực thuộc đã ban hành Kế hoạch số: 333/KH-BQLR ngày 18/12/2023 về việc chốt chặn, tuần tra, kiểm tra bảo vệ rừng tại các tiểu khu trong đó (có tiểu khu C), Kế hoạch số: 05 KH-BQLR ngày 19/01/2024 về việc bảo vệ rừng, phòng cháy, chữa cháy rừng trước, trong, sau Tết Nguyên Đán Giáp Thìn năm 2024 và Kế hoạch số 03/KH-BQLR ngày 12/01/2024 về việc chốt chặn, tuần tra, kiểm tra bảo vệ rừng tại các tiểu khu thuộc lâm phần quản lý (trong đó có tiểu khu C), đồng thời lãnh đạo, chỉ đạo các Trạm, Chốt quản lý bảo vệ rừng trực thuộc thực hiện việc tuần tra, kiểm tra, bảo vệ rừng theo các kế hoạch đã đề ra. Đinh Văn C2 - Trưởng Trạm quản lý bảo vệ rừng làng C - Hồ N, Lê Đức T3, Đoàn Minh P - đều là Phó trạm đã triển khai, quán triệt và trực tiếp cùng các nhân viên của T5 là Nguyễn Phi S1, Thân Thiên N và Nguyễn Ngọc B1 tiến hành việc tuần tra, kiểm tra, bảo vệ rừng tại khoảnh 5 Tiểu khu C theo các Kế hoạch của Ban quản lý rừng phòng hộ; phối hợp với Ban Q1 về bảo vệ rừng trong cuộc họp dân làng. Ban Q và Trạm quản lý bảo vệ rừng làng C – Hồ Núi M đã thực hiện đúng và đầy đủ trách nhiệm trong việc chỉ đạo, thực hiện việc tuần tra, kiểm tra bảo vệ rừng tại khoảnh 5 Tiểu khu C nhưng việc bị can B tiến hành chặt phá rừng phòng hộ tại vị trí này trong thời gian ngắn, Trạm không thể phát hiện kịp thời. Do đó, Cơ quan điều tra không truy cứu trách nhiệm hình sự về tội: “Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng” trong vụ án này đối với các ông Phan Văn C3, Nguyễn Thanh Q, Lê Đức T3, Đoàn Minh P, Nguyễn Phi S1, Thân Thiên N và Nguyễn Ngọc B1 là có căn cứ.

[11]. Xét các đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vân Canh là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận. Riêng về áp dụng hình phạt chính cải tạo không giam giữ đối với bị cáo là chưa nghiêm, chưa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

[12]. Xét đề nghị của Trợ giúp viên pháp lý bào chữa cho bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng mức án cải tạo không giam giữ là chưa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận. .

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Đoàn Văn B phạm tội “Huỷ hoại rừng” theo điểm c khoản 1 Điều 243 Bộ luật Hình sự.

2. Về hình phạt: Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 243, điểm b, r, s khoản 1; Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Đoàn Văn B 12 (Mười hai) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 24 (Hai mươi bốn) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (14/01/2025).

Giao bị cáo Đoàn Văn B cho Ủy ban nhân dân xã C, huyện V, tỉnh Bình Định để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Về bồi thường thiệt hại: Áp dụng khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự; các Điều 584, 585, 589 Bộ luật Dân sự. Buộc bị cáo Đoàn Văn B phải bồi thường thiệt hại cho nguyên đơn dân sự là Ban quản lý rừng phòng hộ huyện V. Người đại diện theo uỷ quyền, anh Nguyễn Thanh Q - Phó giám đốc Ban quản lý rừng phòng hộ huyện V số tiền còn lại là 115.275.000đ (Một trăm mười lăm triệu hai trăm bảy mươi lăm nghìn đồng). Tiếp tục tạm giữ số tiền 5.000.000đ (Năm triệu đồng) mà bị cáo đã nộp theo biên lai thu tiền số 0002510 ngày 11/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vân Canh, tỉnh Bình Định để đảm bảo việc thi hành án.

4. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự. Tịch thu, tiêu hủy gồm: 01 cây rựa dài 62 cm, cán bằng gỗ dài 36 cm, lưỡi bằng kim loại đã rỉ sét dài 26 cm; 01 cây rựa dài 64 cm, cán bằng gỗ dài 34,9 cm, lưỡi bằng kim loại đã rỉ sét dài 29,5 cm; 01 cây rựa dài 69 cm, cán bằng gỗ dài 40 cm, lưỡi bằng kim loại đã rỉ sét dài 29 cm; 01 máy cưa xích Yataka CS-5991 màu cam, đã cũ dài 42 cm; 01 lưỡi lam kim loại đã qua sử dụng có kích thước: có chiều dài 46 cm, vị trí rộng nhất 07 cm, vị trí nhỏ nhất 03 cm (có đường rãnh giữa tạo thành hình chữ U, có 02 lỗ trục cố định đối xứng) và 01 dây xích cưa kim loại đã qua sử dụng có chiều dài 50 cm, (theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 08/11/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vân Canh).

5. Về án phí: Áp dụng các Điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14 Nghị Quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về việc quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, miễn toàn bộ tiền án phí hình sự sơ thẩm và tiền án phí dân sự sơ thẩm cho bị cáo.

6. Quyền kháng cáo: Áp dụng các Điều 331 và 333 Bộ luật Tố tụng Hình sự. Bị cáo, đại diện nguyên đơn dân sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tổng đạt hợp lệ.

7. Về quyền, nghĩa vụ thi hành án:

7.1. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

7.2. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo và người tham gia tố tụng;
- Công an huyện Vân Canh;
- VKSND huyện Vân Canh;
- VKDND tỉnh Bình Định;
- THADS huyện Vân Canh;
- TAND tỉnh Bình Định;
- Sở tư pháp tỉnh Bình Định;
- UBND xã Canh Liên, huyện Vân Canh;
- Người bào chữa;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Mai Phương